

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97 /2026/HNGĐ - ST**
Ngày: 22/07/2026
V/v: “Ly hôn, giải quyết việc nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Dương

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thùy Trang - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2026 về “Ly hôn, giải quyết việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - sinh năm 1998

Số CCCD: 040198003128

Địa chỉ: K, phường T, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A - sinh năm 1995

Số CCCD: 040095032634

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: K, phường T, tỉnh Nghệ An.

Hiện cư trú tại: nước ngoài (không rõ địa chỉ cụ thể, vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 09 năm 2017 tại UBND phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai bên đã tự hòa giải nhưng không thành. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2018 và Nguyễn Tú U, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2019. Chị L có nguyện vọng được nuôi các con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản cho thân nhân bị đơn (anh Nguyễn Tuấn A) và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Tuấn A đều vắng mặt không có lý do.

Chị Lê Thị L không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú, nơi sinh sống hiện nay của anh Nguyễn Tuấn A. Tòa án đã tiến hành xác minh, yêu cầu ông Nguyễn Văn N (là bố đẻ của anh Nguyễn Tuấn A) cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Nguyễn Tuấn A cũng như yêu cầu thông báo với anh Nguyễn Tuấn A về việc chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung để nghị anh A gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Tuấn A liên quan đến việc giải quyết vụ án cũng như không nhận được thông tin về nơi cư trú và làm việc hiện tại của anh Nguyễn Tuấn A.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ cho anh A theo đúng quy định tại điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L là cho ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A; Việc nuôi con: đề nghị hội đồng xét xử giao hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2018 và Nguyễn Tú U, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành; Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không xem xét đề nghị; Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị L có nơi cư trú tại khối L, phường T, tỉnh Nghệ An yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A là bị đơn

có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khối L, phường T, tỉnh Nghệ An. Hiện đang sinh sống ở nước ngoài không rõ địa chỉ do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 122,123,127 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về thủ tục hoà giải:* Vụ án không thể tiến hành hoà giải được do chị Lê Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt không có lý do chính đáng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự:*

Đối với nguyên đơn chị Lê Thị L, quá trình giải quyết vụ án chị L có mặt theo yêu cầu của Tòa án, đã trình bày ý kiến của mình tại bản khai. Tòa án đã giao các thông báo, tài liệu, giấy triệu tập cho chị L đầy đủ. Tuy nhiên do không sắp xếp được thời gian nên chị L đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên xét xử của Tòa án. Chị L không có ý kiến và không có đề nghị gì thêm.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn A, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản, thông báo cho thân nhân của anh A là ông Nguyễn Văn N- bố đẻ của anh A. Ông N cam kết đã thông báo cho A biết thời gian, địa điểm đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh A không đến và không có ý kiến gì. Quá xác minh ông Nguyễn Văn N bố của anh A cho biết, anh A hiện đang đi làm ăn ở nước ngoài nhưng không biết ở nước nào và địa chỉ cụ thể của anh A ở đâu, chỉ liên hệ với gia đình qua Zalo. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ cho anh A theo đúng quy định tại điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Công văn số 2571/ QLXNC- Đ1 của Phòng Q Công an tỉnh N cho biết anh Nguyễn Tuấn A xuất cảnh ngày 21/8/2020 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1, không có cơ sở dữ liệu nơi đến, hiện tại chưa có thông tin nhập cảnh.

Toà án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh Nguyễn Tuấn A không cung cấp địa chỉ và không ý kiến thể hiện anh có tình dấu địa chỉ.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 10 Nghị quyết 01/2024/ NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về việc giải quyết ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 09 năm 2017 tại UBND phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm giữa chị L và anh A không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2018 và Nguyễn Tú U, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2019. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và các con chung đều có nguyện vọng ở được với chị L. Quá trình xác minh được biết anh A hiện không có mặt tại địa phương, gia đình cho biết hiện nay anh A đang đi làm ăn ở nước ngoài nhưng không biết ở nước nào và địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ liên hệ với gia đình qua Zalo. Hội đồng xét xử thấy rằng anh A hiện không có mặt tại địa phương, không biết địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đảm bảo được việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, hội đồng xét xử thấy rằng cần giao các con chung Nguyễn Gia B và Nguyễn Tú U cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227, điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 122, 123, 127; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 58; các điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

2. Việc nuôi con: Giao hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2018 và Nguyễn Tú U, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2019 và cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lê Thị L không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Nguyễn Tuấn A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị L không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003343 ngày 07 tháng 05 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

6. Nguyên đơn chị Lê Thị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Thái Hòa tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương